

## INCOME DIVERSIFICATION AND FACTORS AFFECTING RURAL HOUSEHOLDS' INCOME IN TRA VINH PROVINCE

Le Truc Linh

Tra Vinh University

ARTICLE INFO	ABSTRACT
<b>Received:</b> 14/4/2022	Tra Vinh, one of the coastal provinces in the Mekong Delta of Vietnam, is more affected by climate change, facing more and more difficulties in agricultural production. It is, therefore, necessary to have diverse income sources in order to improve rural households' life. This current study was conducted to examine the status of income diversification and identify factors influencing rural households' income in Chau Thanh and Cang Long districts of Tra Vinh province. The information from 70 rural households was collected using structured questionnaires. The results showed that the income diversification index of the sample households was low (0.33), the average income was 90.28 million VND/household/year. There were big gaps in the total income among different household groups. The study also determined four main factors contributing to improving the households' income including education level, the experience of the households' head, cultivated area, and joining social organizations.
<b>Revised:</b> 30/5/2022	
<b>Published:</b> 30/5/2022	
<b>KEYWORDS</b>	
Climate change	
Income diversification index	
Household income	
Rural households	
Tra Vinh	

## ĐA DẠNG THU NHẬP VÀ CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN THU NHẬP CỦA NÔNG HỘ TẠI TRÀ VINH

Lê Trúc Linh

Trường Đại học Trà Vinh

THÔNG TIN BÀI BÁO	TÓM TẮT
<b>Ngày nhận bài:</b> 14/4/2022	Trà Vinh là một trong những tỉnh ven biển ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long chịu nhiều tác động của biến đổi khí hậu, hoạt động sản xuất nông nghiệp khó khăn, do đó, việc đa dạng hóa nguồn thu nhập là rất cần thiết nhằm nâng cao đời sống dân cư nông thôn. Nghiên cứu này được thực hiện nhằm đánh giá hiện trạng đa dạng thu nhập cũng như xác định các yếu tố có ảnh hưởng đến thu nhập nông hộ tại huyện Càng Long và huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Nghiên cứu thực hiện trên 70 hộ dân sản xuất nông nghiệp thông qua việc sử dụng bảng câu hỏi để thu thập số liệu. Kết quả cho thấy các nông hộ trong vùng khảo sát có chỉ số đa dạng thu nhập thấp (0,33), thu nhập bình quân đạt 90,28 triệu đồng/hộ/năm và khoảng cách thu nhập rất lớn giữa các nhóm hộ nghèo, cận nghèo và hộ trung bình khá. Nghiên cứu đã xác định được 4 yếu tố chính góp phần gia tăng thu nhập của nông hộ tại địa bàn nghiên cứu bao gồm trình độ học vấn và kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp của chủ hộ, diện tích đất sản xuất và hộ gia đình có tham gia vào hoạt các tổ chức xã hội đoàn thể.
<b>Ngày hoàn thiện:</b> 30/5/2022	
<b>Ngày đăng:</b> 30/5/2022	
<b>TỪ KHÓA</b>	
Biến đổi khí hậu	
Chỉ số đa dạng thu nhập	
Thu nhập hộ gia đình	
Nông hộ	
Trà Vinh	

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.5838>

Email: [letruclinh@tvu.edu.vn](mailto:letruclinh@tvu.edu.vn)

<http://jst.tnu.edu.vn>

243

Email: [jst@tnu.edu.vn](mailto:jst@tnu.edu.vn)

## 1. Giới thiệu

Sản xuất nông nghiệp đóng một vai trò rất quan trọng trong nền kinh tế của Việt Nam. Theo số liệu ghi nhận của Tổng cục Thống kê [1], năm 2020 cả nước có hơn 63% dân số sống ở vùng nông thôn với nguồn thu nhập chính dựa vào sản xuất nông nghiệp. Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) là nơi đóng góp chính vào xuất khẩu gạo, trái cây và thủy hải sản, nhưng cuộc sống của người nông dân vẫn còn gặp nhiều khó khăn. Hoạt động sản xuất nông nghiệp luôn phải đối mặt với rất nhiều yếu tố bất lợi như sâu bệnh hại, hạn hán, xâm nhập mặn, giá vật tư đầu vào tăng cao trong khi đầu ra không ổn định dẫn đến thu nhập thường không cao, không ổn định, làm cho đời sống người nông dân đang ngày càng khó khăn.

Thực tế cho thấy rằng, để giảm mức độ phụ thuộc vào sản xuất nông nghiệp, việc đa dạng hóa nguồn thu nhập đã và đang được khuyến khích ở các vùng nông thôn. Các khu công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp được khuyến khích và tạo điều kiện phát triển tại các vùng này. Tuy nhiên, khả năng tham gia vào các hoạt động sản xuất phi nông nghiệp để gia tăng thu nhập của các nông hộ rất khác nhau tùy thuộc vào rất nhiều yếu tố liên quan đến đặc điểm nông hộ cũng như các yếu tố kinh tế xã hội tại địa phương. Ông Nguyễn Chương và Trần Như Quỳnh [2] đã nhận định rằng đa dạng hóa thu nhập chính là một phương thức hiệu quả để giúp người nông dân có thể ứng phó tốt hơn với các rủi ro trong sản xuất nông nghiệp. Đối với các hộ sản xuất nông nghiệp, nguồn thu nhập phi nông nghiệp vừa đóng vai trò là lực kéo và cũng là lực đẩy hiệu quả cho sự phát triển của kinh tế nông hộ. Năm 2010 các nông hộ ở vùng ĐBSCL xếp thứ 7 trong tổng số 8 vùng của cả nước về số nguồn thu nhập (4,02) và chỉ số đa dạng thu nhập (0,39), chỉ cao hơn vùng Tây Bắc (3,3 và 0,31 tương ứng) [3]. Điều này cho thấy mức độ đa dạng hóa thu nhập của nông hộ tại vùng ĐBSCL còn khá thấp và việc xác định các yếu tố ảnh hưởng đến việc đa dạng hóa thu nhập của người dân trong vùng là rất cần thiết để từ đó đề xuất các giải pháp giúp người dân cải thiện thu nhập. Vì vậy, có nhiều nghiên cứu đã được thực hiện nhằm xác định các nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ đồng thời đề xuất nhiều giải pháp phát triển tương ứng [4]-[7].

Tỉnh Trà Vinh với dân số năm 2020 đạt 1.009.940 dân, trong đó có 82,59% dân số sinh sống ở các vùng nông thôn với nguồn thu nhập chính từ hoạt động sản xuất nông nghiệp [8]. Trong những năm qua, thu nhập của người dân tại các vùng nông thôn mặc dù đã được cải thiện nhưng vẫn còn sự chênh lệch khá lớn trong thu nhập giữa các nhóm hộ. Cuộc sống của những nông hộ thuộc nhóm nghèo, cận nghèo vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn khi phải chịu tác động bởi rất nhiều yếu tố như biến đổi khí hậu, rủi ro cao trong sản xuất nông nghiệp, chi phí sinh hoạt ngày càng tăng cao. Trà Vinh là một trong những tỉnh ven biển trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long chịu nhiều tác động của biến đổi khí hậu, gây nhiều khó khăn hơn cho hoạt động sản xuất nông nghiệp của tỉnh [9]. Do đó, việc đa dạng hóa nguồn thu nhập là rất cần thiết cho nông hộ [5]. Nghiên cứu này được thực hiện nhằm mục tiêu phân tích hiện trạng đa dạng hóa thu nhập của nông hộ cũng như xác định các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập nông hộ tại hai huyện Châu Thành và Càng Long, tỉnh Trà Vinh. Kết quả khảo sát của nghiên cứu này sẽ là cơ sở để chính quyền địa phương và người nông dân có những định hướng rõ ràng và hiệu quả nhằm cải thiện thu nhập cho nông hộ, thúc đẩy sự phát triển nông nghiệp và nông thôn của tỉnh.

## 2. Phương pháp nghiên cứu

### 2.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng được chọn trong nghiên cứu là các nông hộ tại huyện Châu Thành và Càng Long, tỉnh Trà Vinh. Đây là 2 huyện thuộc vùng ven thành phố Trà Vinh, nơi tập trung nhiều khu công nghiệp, cụm công nghiệp, nên cơ hội việc làm phi nông nghiệp khá cao. Nghiên cứu khảo sát 02 xã Lương Hòa và Song Lộc thuộc huyện Châu Thành và 02 xã Đại Phúc và Đại Phước thuộc huyện Càng Long. Địa điểm khảo sát có hệ sinh thái nước ngọt với cây trồng chủ lực là lúa và cây ăn trái.

## 2.2. Thu thập và xử lý số liệu

Nghiên cứu sử dụng bảng câu hỏi được thiết kế sẵn để thực hiện khảo sát trên 80 nông hộ có sản xuất nông nghiệp gồm các hoạt động trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản. Phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên thuận tiện được áp dụng để thu thập số liệu tại 02 xã Lương Hòa và Song Lộc thuộc huyện Châu Thành và 02 xã Đại Phúc và Đại Phước thuộc huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh. Tại mỗi xã được chọn, chọn ngẫu nhiên 20 nông hộ để thực hiện khảo sát các thông tin về tình trạng thu nhập, đặc điểm của nông hộ (tuổi, giới tính, trình độ học vấn của chủ hộ, diện tích canh tác nông nghiệp), và thông tin về các nguồn thu nhập của hộ gia đình. Trong quá trình tổng hợp số liệu, có 10 phiếu khảo sát chưa hoàn chỉnh, do đó, tổng số quan sát được phân tích trong nghiên cứu này là 70.

Số liệu thu thập được phân tích thống kê mô tả để đánh giá hiện trạng thu nhập và các đặc điểm của các nông hộ khảo sát. Bên cạnh đó, phương pháp hồi quy đa biến được áp dụng để ước lượng ảnh hưởng của các yếu tố đến thu nhập và đa dạng thu nhập của nông hộ khảo sát thông qua phần mềm SPSS v. 25.0.

## 2.3. Mô hình nghiên cứu

### - Chỉ số đa dạng thu nhập

Thu nhập nông nghiệp của nông hộ được xác định là nguồn thu từ các hoạt động sản xuất cây trồng, vật nuôi và thủy sản. Thu nhập phi nông nghiệp là nguồn thu nhập không từ các nguồn trên [10]. Đa dạng hóa thu nhập còn được xem là một cách hữu hiệu giúp người nông dân có thể ứng phó với những rủi ro trong sản xuất nông nghiệp.

Chỉ số đa dạng Simpson (Simpson's index of diversity - SID) đã được áp dụng để ước tính mức độ đa dạng thu nhập của nông hộ trong nghiên cứu của Huỳnh Trường Huy và cộng sự [11] và nghiên cứu của Ông Nguyễn Chương và Trần Như Quỳnh [2]. Trong đó, chỉ số đa dạng thu nhập được tính theo công thức (1) như sau:

$$SID = 1 - \sum_{i=1}^n P_i^2, \quad (1)$$

Với  $n$  là tổng số nguồn thu nhập;  $P_i$  là tỉ trọng của nguồn thu nhập thứ  $i$  trong tổng thu nhập của nông hộ. SID sẽ có giá trị dao động từ 0-1. Nếu SID có giá trị 0 cho thấy nông hộ hoàn toàn không có tính đa dạng thu nhập và nếu có giá trị càng gần 1 cho thấy nông hộ có mức độ đa dạng hóa càng cao. Các nguồn thu nhập của nông hộ được khảo sát và tổng hợp trong nghiên cứu này là từ: trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, kinh doanh, làm thuê, làm công chức và lương hưu.

### - Các nhân tố ảnh hưởng đến sự đa dạng thu nhập của nông hộ

Để xác định các nhân tố có ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ hoặc sự đa dạng hóa thu nhập, có nhiều dạng mô hình hồi quy được áp dụng trong thực tiễn nghiên cứu như Binary Logistic [4], các dạng mô hình hồi quy tuyến tính được áp dụng khá phổ biến trong nghiên cứu của các tác giả [5], [12], [13].

Trong nghiên cứu này, mô hình phân tích hồi quy tuyến tính logarit (2) được áp dụng để ước lượng các yếu tố tác động đến thu nhập của hộ gia đình như sau

$$\ln(Y) = \beta_0 + \beta_1 X_1 + \beta_2 X_2 + \beta_3 X_3 + \beta_4 X_4 + \beta_5 X_5 + \beta_6 X_6 + \beta_7 X_7 + \beta_8 X_8 + \beta_9 X_9 + u_i \quad (2)$$

Trong đó:  $Y$  là biến phụ thuộc, các biến  $X$  là các biến độc lập (Bảng 1),  $\ln$  là logarit tự nhiên, và  $u_i$  là sai số. Mô hình được ước lượng bằng phương pháp Bình phương nhỏ nhất (OLS). Hệ số ước lượng thể hiện phần trăm thay đổi giá trị biến phụ thuộc khi biến độc lập thay đổi 1 đơn vị, trong điều kiện các biến độc lập khác không đổi.

**Bảng 1.** Diễn giải các biến được sử dụng trong mô hình phân tích

Kí hiệu	Tên biến	Diễn giải
Y	Thu nhập nông hộ	Tổng thu nhập của nông hộ từ hoạt động nông nghiệp và phi nông nghiệp (Triệu đồng/năm)
X <sub>1</sub>	SID	Chỉ số đa dạng thu nhập của nông hộ (giá trị từ 0-1)

Kí hiệu	Tên biến	Diễn giải
X <sub>2</sub>	Tuổi	Tuổi chủ hộ (năm)
X <sub>3</sub>	Trình độ học vấn	Số năm đi học của chủ hộ (năm)
X <sub>4</sub>	Kinh nghiệm	Số năm chủ hộ tham gia trồng lúa tính tới thời điểm nghiên cứu (năm)
X <sub>5</sub>	Khoảng cách từ nhà - chợ	Khoảng cách từ nhà - chợ gần nhất (km)
X <sub>6</sub>	Diện tích	Diện tích đất hộ đang canh tác (ha)
X <sub>7</sub>	Thành viên tổ chức xã hội	Biến giả, nhận giá trị 1 nếu chủ hộ là thành viên của hợp tác xã, tổ hợp tác, hội nông dân, câu lạc bộ; nhận giá trị 0 khi không là thành viên của bất kỳ tổ chức nào
X <sub>8</sub>	Vay vốn sản xuất	Biến giả, nhận giá trị 1 nếu chủ hộ có vay vốn để sản xuất lúa; nhận giá trị 0 khi không vay
X <sub>9</sub>	Tham gia tập huấn	Biến giả, nhận giá trị 1 nếu chủ hộ có tham gia tập huấn liên quan đến sản xuất lúa; nhận giá trị 0 khi không tham gia tập huấn

#### 2.4. Thời gian và địa điểm nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 3 đến tháng 5 năm 2021 tại 02 huyện Châu Thành và Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

### 3. Kết quả và bàn luận

#### 3.1. Một số đặc điểm của nông hộ

Một số đặc điểm chính của các nông hộ trong mẫu khảo sát được trình bày ở Bảng 2. Kết quả khảo sát cho thấy thu nhập của các nông hộ có khoảng dao động rất lớn từ 8,6 - 350 triệu đồng/hộ/năm, trung bình 90,28 triệu đồng/hộ/năm. Trình độ học vấn bình quân của chủ hộ khá thấp (5,59 năm đi học) tuy nhiên kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp bình quân trên 17 năm, trong đó có hộ đã có đến 40 năm hoạt động trong lĩnh vực này. Diện tích đất canh tác bình quân/hộ còn thấp, chưa đến 5.000 m<sup>2</sup>/hộ, hộ có diện tích đất nông nghiệp lớn nhất cũng chỉ đạt 2,2 ha. Số thành viên trong nông hộ không nhiều, dao động từ 1-6 người/hộ. Chỉ khoảng 40% số hộ khảo sát có tiếp cận vốn vay và tham gia tập huấn nâng cao kỹ thuật sản xuất. Nhìn chung các hộ khảo sát có mức đa dạng hóa thu nhập khá thấp, trung bình 0,33, trong đó có một số hộ chỉ có một nguồn thu nhập duy nhất (SID=0).

**Bảng 2.** Thống kê mô tả đặc điểm nông hộ khảo sát tại huyện Châu Thành và Càng Long, tỉnh Trà Vinh, 2021

Biến số	Đơn vị	Nhỏ nhất	Lớn nhất	Trung bình	Độ lệch
Thu nhập nông hộ	Triệu đồng/năm	8,60	350,00	90,28	62,27
SID		0	0,66	0,33	0,22
Tuổi chủ hộ	Năm	27	82	53,77	13,10
Trình độ học vấn chủ hộ	Lớp	0	12	5,59	3,12
Kinh nghiệm sản xuất	Năm	1	40	17,06	10,71
Diện tích đất sản xuất	1.000 m <sup>2</sup>	1	22	4,78	4,18
Số thành viên trong gia đình	Người	1	6	3,64	1,20
Tham gia tập huấn	Biến giả	0	1	0,41	0,50
Vay vốn sản xuất	Biến giả	0	1	0,41	0,50
Khoảng cách từ nhà - chợ	km	1	10	3,14	1,60

(Nguồn: Số liệu điều tra của tác giả năm 2021)

#### 3.2. Đặc điểm thu nhập của nông hộ theo nhóm ngành nghề

Kết quả khảo sát 6 nhóm ngành nghề mang lại thu nhập cho nông hộ được trình bày ở Bảng 3. Có 60/70 hộ khảo sát có nguồn thu nhập từ các hoạt động trồng trọt, với mức thu nhập bình quân trên 57 triệu đồng/hộ/năm. Hoạt động sản xuất phổ biến tiếp theo là chăn nuôi, với mức thu nhập bình quân cho hộ từ lĩnh vực này khoảng 23 triệu. Không có hộ nào có nguồn thu nhập từ hoạt động nuôi trồng thủy sản. Về các hoạt động phi nông nghiệp, có 22/70 hộ có thêm nguồn thu nhập từ việc làm thuê với mức thu bình quân 53,32 triệu đồng/năm. Có 15 hộ có nguồn thu nhập

từ nhóm công chức và lương hưu (42,67 triệu đồng/năm). Mặc dù chỉ có 3/70 hộ có tổ chức hoạt động kinh doanh, nhưng nguồn thu mang lại cho nông hộ đạt cao nhất trong tất cả các nhóm ngành nghề với mức bình quân 70,33 triệu đồng/năm. Cơ cấu thu nhập đã cho thấy sản xuất nông nghiệp là hoạt động chính tạo nguồn thu nhập cho nông hộ trong vùng khảo sát. Tuy nhiên việc tham gia các ngành nghề khác như làm thuê hoặc kinh doanh cho thấy đây là những nguồn thu nhập thêm rất lớn để các hộ dân có thể cải thiện được mức sống của họ.

**Bảng 3.** Thu nhập của các nông hộ theo nhóm ngành, nghề

Nhóm nghề	Số hộ	Thu nhập thấp nhất (triệu đồng/hộ/năm)	Thu nhập cao nhất (triệu đồng/hộ/năm)	Thu nhập trung bình (triệu đồng/hộ/năm)
Trồng trọt	60	3,50	350,00	57,02
Chăn nuôi	38	3,00	60,00	22,98
Thủy sản	0	0,00	0,00	0,00
Kinh doanh	3	12,00	120,00	70,33
Làm thuê	22	24,00	120,00	53,32
Công chức và lương hưu	15	20,00	78,00	42,67

(Nguồn: Số liệu điều tra của tác giả năm 2021)

Cơ cấu thu nhập và chỉ số đa dạng hóa thu nhập có sự chênh lệch nhiều giữa các nhóm hộ (Bảng 4). Chỉ số đa dạng thu nhập của nhóm hộ nghèo rất thấp (0,17) và chỉ bằng một nửa so với nhóm hộ cận nghèo và hộ trung bình khá (0,35 và 0,34 tương ứng). Chỉ có nhóm thu nhập trung bình-khá có hơn 2 nguồn thu nhập. Cũng cùng xu hướng đó, thu nhập bình quân của nhóm hộ nghèo khá thấp (18,84 triệu đồng/hộ/năm), chỉ hơn 1/3 mức thu nhập của nhóm hộ cận nghèo và 1/5 so với thu nhập của nhóm hộ trung bình khá. Kết quả nghiên cứu của Huỳnh Trường Huy và cộng sự [11] đã cho thấy chỉ số đa dạng thu nhập bình quân của nông hộ tại ĐBSCL năm 2005 chỉ đạt 0,38 và số hoạt động tạo thu nhập chỉ có 1,97. Theo kết quả khảo sát mức sống hộ gia đình [14], thu nhập bình quân đầu người tại khu vực nông thôn năm 2020 chỉ đạt 3,5 triệu đồng/tháng, tương đương 42 triệu đồng/người/năm. Tại Trà Vinh, thu nhập bình quân của người dân còn khá thấp (3,4 triệu đồng/người/tháng), tỉ lệ hộ nghèo của tỉnh là 7,4%, cao nhất so với các tỉnh thuộc Đồng bằng sông Cửu Long và cao hơn tỉ lệ hộ nghèo của cả nước (4,8%). Từ đó cho thấy các nông hộ trong vùng khảo sát có chỉ số đa dạng thu nhập thấp, thu nhập bình quân của nhóm hộ nghèo và cận nghèo vẫn chưa cao.

Nhìn chung, có thể thấy rằng kết quả khảo sát của nghiên cứu này hoàn toàn phù hợp với kết quả nghiên cứu của các tác giả về chỉ số đa dạng thu nhập còn rất thấp của các nông hộ tại khu vực ĐBSCL nói chung và các nông hộ của tỉnh Trà Vinh nói riêng.

**Bảng 4.** Mức đa dạng hóa và thu nhập của nông hộ theo nhóm hộ nghèo, cận nghèo và trung bình - khá

Nhóm thu nhập	Số hộ	Tỷ lệ (%)	Số hoạt động tạo thu nhập	SID trung bình	Thu nhập trung bình (triệu đồng/hộ/năm)
Nghèo	5	7,14	1,80	0,17	18,84
Cận nghèo	8	11,43	1,88	0,35	51,88
Trung bình-Khá	57	81,43	2,02	0,34	101,94

(Nguồn: Số liệu điều tra của tác giả năm 2021)

### 3.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ

Trong nghiên cứu này mô hình hồi quy tuyến tính được áp dụng để xác định các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của hộ gia đình. Kết quả phân tích được trình bày ở Bảng 5 cho thấy, mô hình hồi quy có mức ý nghĩa thống kê cao ở mức ý nghĩa  $\alpha = 1\%$  (Sig. = 0,00). Điều này cho thấy có một số yếu tố có ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ khảo sát. Giá trị của hệ số  $R^2$  hiệu chỉnh là 0,58 cho thấy sự biến thiên về thu nhập nông hộ trong nghiên cứu giải thích được 58% bởi các yếu tố được phân tích trong mô hình. Giá trị của độ phóng đại phương sai (VIF) của các biến trong mô hình đều nhỏ hơn 10 cho thấy rằng các biến được chọn vào mô hình phân tích không có hiện tượng đa cộng tuyến.

**Bảng 5.** Các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập nông hộ

Biến độc lập	Hệ số	Sai số chuẩn	Giá trị t	Mức ý nghĩa	VIF
Hằng số	2,687	0,444	6,052	0,000	
SID	0,436	0,284	1,535	0,130	1,243
Tuổi chủ hộ	-0,002	0,005	-0,390	0,698	1,351
Trình độ học vấn	0,061	0,023	2,623	0,011*	1,673
Kinh nghiệm	0,016	0,006	2,575	0,013*	1,342
Khoảng cách đến chợ gần nhất	0,032	0,038	0,845	0,402	1,136
Diện tích	0,055	0,017	3,294	0,002**	1,531
Tham gia tập huấn (biến giả)	0,241	0,147	1,640	0,106	1,692
Vay vốn sản xuất (biến giả)	0,169	0,137	1,232	0,223	1,471
Thành viên tổ chức xã hội (biến giả)	0,113	0,053	2,143	0,036*	1,285

Biến phụ thuộc: Ln (tổng thu nhập, triệu đồng/năm)

F= 11,74

Sig. = 0,00

Hệ số R<sup>2</sup> = 0,64

Hệ số R<sup>2</sup> hiệu chỉnh = 0,58

Dubin-Watson = 1,48

(Nguồn: Số liệu điều tra của tác giả năm 2021)

Kết quả phân tích cho thấy 4 biến có mối tương quan thuận và có ý nghĩa thống kê với thu nhập của 70 nông hộ được thực hiện khảo sát trong nghiên cứu này bao gồm: học vấn, kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp của chủ hộ, diện tích đất sản xuất và yếu tố tham gia các tổ chức đoàn thể tại địa phương.

Trình độ học vấn của chủ hộ có ảnh hưởng tích cực đến thu nhập của nông hộ ở mức ý nghĩa 5%. Điều này cho thấy rằng trong điều kiện các biến độc lập khác không thay đổi, khi trình độ học vấn của chủ hộ tăng thì thu nhập của hộ cũng gia tăng. Mức độ sẵn sàng tiếp cận và áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất của những chủ hộ có trình độ học vấn cao thường sẽ có nhiều lợi thế hơn trong sản xuất nông nghiệp như nắm rõ kỹ thuật canh tác hiện đại giúp giảm chi phí đầu vào và tăng lợi nhuận thu được so với các hộ khác. Vai trò tích cực của trình độ học vấn trong gia tăng thu nhập của nông hộ cũng được xác định trong nhiều nghiên cứu trước đây như các nghiên cứu [11], [13], [15]. Hứa Thị Phương Chi và Nguyễn Minh Đức [4] cho rằng khi chủ hộ có trình độ học vấn cao, việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất giúp họ nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm được thời gian, do đó hộ có nhiều cơ hội tham gia vào các hoạt động phi nông nghiệp khác để góp phần tăng thêm nguồn thu nhập về cho nông hộ.

Trong sản xuất nông nghiệp, kinh nghiệm sản xuất có ý nghĩa rất lớn đến hiệu quả sản xuất và đến thu nhập của nông hộ. Biến số kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp của chủ hộ khảo sát cho thấy có ảnh hưởng tích cực giúp nông hộ nâng cao thu nhập với hệ số hồi quy 0,016 ở mức ý nghĩa 5%. Điều này cho thấy khi chủ hộ có kinh nghiệm sản xuất càng nhiều thì thu nhập có xu hướng càng tăng. Mặc dù mức độ đóng góp không quá lớn (1,6%) nhưng kết quả này đã khẳng định kinh nghiệm giữ một vai trò quan trọng vì nó góp phần nâng cao hiệu quả phân bổ và sử dụng các yếu tố đầu vào, lao động, giúp nông hộ tăng hiệu quả sản xuất, cải thiện thu nhập. Kết quả này phù hợp với nghiên cứu trước đây của Nguyễn Quốc Nghi và cộng sự [13].

Đất đai là một trong những nguồn lực quan trọng nhất trong sản xuất nông nghiệp. Kết quả ước lượng từ mô hình xác định được yếu tố diện tích đất có ảnh hưởng tích cực đến thu nhập của nông hộ ở mức ý nghĩa 1%, cho thấy khi diện tích đất càng lớn thì thu nhập của nông hộ càng gia tăng. Trong điều kiện các yếu tố khác không đổi, khi gia tăng một đơn vị diện tích đất thì thu nhập của nông hộ tăng lên 5,50%. Vai trò đóng góp tích cực của biến số diện tích đất vào thu nhập của nông hộ cũng được xác định ở các nghiên cứu trước đây [4]-[6], [15]-[17]. Trong đó, kết quả khảo sát của Hứa Thị Phương Chi và Nguyễn Minh Đức [4] đã cho thấy so với các nông hộ đa dạng hóa thu nhập, các nông hộ không đa dạng hóa thu nhập có diện tích đất nông nghiệp bình quân cao hơn, nhưng thu nhập bình quân của họ lại thấp hơn. Tương tự, theo nhận định của

Khúc Văn Quý và cộng sự [5], những nông hộ có ít diện tích đất canh tác thường có xu hướng tìm đến các hoạt động phi nông nghiệp, thoát ly các hoạt động sản xuất nông lâm nghiệp. Trong nghiên cứu này, diện tích đất có đóng góp lớn đến thu nhập nông hộ có thể là do mức độ đa dạng thu nhập của các hộ khảo sát còn thấp nên nguồn thu từ hoạt động sản xuất nông nghiệp vẫn giữ vai trò quan trọng. Kết quả của nghiên cứu này là tương tự như nhận định của Nguyễn Lan Duyên [15] những vùng sản xuất nông nghiệp thuần nông thì nguồn lực đất đai có đóng góp quan trọng vào thu nhập nông hộ.

Biến giả chủ hộ hay không là thành viên của các tổ chức xã hội cũng thể hiện ảnh hưởng tích cực ở mức ý nghĩa 5% vào thu nhập của nông hộ. Thu nhập của nông hộ có tham gia vào các tổ chức xã hội cao hơn 11,3% so với những hộ không là thành viên. Kết quả này đã phản ánh được vai trò tích cực của các tổ chức đoàn thể, hoạt động tổ nhóm hay hợp tác xã nơi các thành viên có thể chia sẻ thông tin và kinh nghiệm sản xuất với nhau, giúp đỡ, hỗ trợ nhau cùng phát triển. Kết quả tương tự cũng được tìm thấy trong nghiên cứu [18], [19]. Khúc Văn Quý và cộng sự [5] đã chỉ ra rằng khi tham gia vào dự án triển khai tại địa phương đã giúp thu nhập của nông hộ tăng lên đến 63,5%.

Nhìn chung, kết quả khảo sát của nghiên cứu này cho thấy các hoạt động phi nông nghiệp mang đến một nguồn thu rất đáng kể cho các nông hộ như các hoạt động làm thuê hoặc kinh doanh. Tuy nhiên, các hoạt động này còn rất hạn chế ở các hộ dân thuộc khảo sát của đề tài. Hầu hết các hộ dân đều sống dựa vào nguồn thu nhập chính từ sản xuất nông nghiệp như trồng trọt và chăn nuôi. Đồng thời, diện tích sản xuất, kinh nghiệm sản xuất, trình độ học vấn và các hoạt động tham gia đoàn thể của các hộ dân có sự dao động lớn. Do đó, nguồn thu nhập còn rất hạn chế, đó là lí do giải thích tại sao có sự khác biệt rất lớn về mức thu nhập của các hộ dân.

Trong những năm gần đây, chính quyền địa phương đã rất quan tâm khuyến khích phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh. Giai đoạn 2018-2020, bình quân hàng năm tỉnh phát triển mới 366 doanh nghiệp vừa và nhỏ, bên cạnh đóng góp vào tăng trưởng kinh tế cho tỉnh, các doanh nghiệp còn góp phần giải quyết việc làm cho hàng nghìn lao động tăng thêm, góp phần nâng cao thu nhập cho người dân trong tỉnh. Tuy nhiên, do tốc độ phát triển doanh nghiệp vẫn còn hạn chế nên chính quyền địa phương đã xây dựng và ban hành nhiều chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, phân đầu tốc độ phát triển doanh nghiệp mới hàng năm đạt từ 500 doanh nghiệp/năm trở lên giai đoạn 2022-2025 [20].

Từ hiện trạng thu nhập và các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập nông hộ thuộc 2 huyện Châu Thành và Càng Long, tỉnh Trà Vinh được chỉ ra trong nghiên cứu này, một số đề xuất cũng đã được đề xuất để góp phần nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho người nông dân như sau:

- Đối với chính quyền địa phương: (1) Tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi cho các cá nhân, doanh nghiệp mở các cơ sở sản xuất, kinh doanh tại địa phương nhằm cung cấp cơ hội việc làm tại chỗ, khuyến khích người dân đa dạng hóa các nguồn thu nhập; (2) Cần xác định được cây trồng, vật nuôi thế mạnh, giá trị kinh tế để khuyến khích người dân mạnh dạn chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi; (3) Củng cố, tạo điều kiện thúc đẩy phát triển các tổ chức xã hội tại địa phương nhằm thu hút sự tham gia của người dân góp phần cải thiện hiệu quả sản xuất.

- Đối với người nông dân: (1) Hộ có diện tích đất sản xuất nhỏ cần chủ động đa dạng hóa nguồn thu nhập cũng như chủ động chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, áp dụng kỹ thuật sản xuất tiên tiến để có thể nâng cao thu nhập trên cùng một đơn vị diện tích; (2) Chủ động tham gia vào các hoạt động tổ nhóm sản xuất như hợp tác xã, tổ hợp tác tại địa phương để có thể chia sẻ thông tin và kinh nghiệm sản xuất, giúp đỡ, hỗ trợ nhau cùng phát triển.

#### 4. Kết luận

Kết quả khảo sát 70 nông hộ tại 2 huyện Châu Thành và Càng Long tỉnh Trà Vinh cho thấy các nông hộ trong vùng khảo sát có chỉ số đa dạng thu nhập thấp (SID=0,33), thu nhập bình quân đạt 90,28 triệu đồng/hộ/năm và khoảng cách thu nhập rất lớn giữa các hộ dân, cụ thể mức thu nhập cao nhất là 350 triệu đồng/hộ/năm và hộ có mức thu nhập thấp nhất chỉ là 8,6 triệu

đồng/hộ/năm. Đặc biệt, thu nhập bình quân của nhóm hộ nghèo và cận nghèo còn rất thấp chỉ đạt tương ứng là 18,84 và 51,88 triệu đồng/hộ/năm. Nghiên cứu cũng đã chỉ ra được 4 yếu tố chính góp phần gia tăng thu nhập của nông hộ được khảo sát trong nghiên cứu bao gồm: trình độ học vấn, kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp của chủ hộ, diện tích đất sản xuất và hộ gia đình có tham gia vào hoạt các tổ chức xã hội đoàn thể.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] General Statistics Office of Vietnam, *Statistical Yearbook of Vietnam 2020*. Statistical Publishing House, Hanoi, 2021.
- [2] N. C. Ong and N. Q. Tran, "Rural livelihood diversification in the South Central Coast of Vietnam," *National Economics University Journal of Economics and Development*, vol. 217, no. 7, pp. 65-74, 2015.
- [3] T. N. D. Ho and T. V. Ha, "Determinants of income diversification and its effects on rural household income in Vietnam," *Can Tho University Journal of Science*, vol. 6, pp. 153-162, 2017.
- [4] T. P. C. Hua and M. D. Pham, "Determinants of farm households's income diversification in the Mekong river delta," (in Vietnamese), *Van Hien University Journal of Science*, vol. 4, no. 3, pp. 46-55, 2016.
- [5] V. Q. Khuc, Q. B. Tran, and L. S. Hoang, "Determinants of income diversification of households in the buffer zone of U Minh Ha national park, Ca Mau," (in Vietnamese), *Journal of Agriculture and Rural Development*, no. 1, pp. 1-11, 2016.
- [6] D. H. Le, "Factors influencing income of peasant households in Ba Vi District, Ha Noi City," (in Vietnamese), *Journal of Forestry Science and Technology*, no. 4, pp. 162-171, 2017.
- [7] L. H. Le and T. H. Le, "Determinants of income diversification among rural households in the Mekong River Delta: The economic transition period," *The Journal of Asian Finance, Economics and Business*, vol. 7, no. 5, pp. 291-304, 2020.
- [8] Tra Vinh Statistics Office, *Tra Vinh Statistical Yearbook 2020*. Statistical Publishing House, Hanoi, 2021.
- [9] N. T. Nguyen and H. A. Hoang, "Vulnerability of rice production in Mekong River Delta under impacts from floods, salinity and climate change," *International Journal on Advanced Science, Engineering and Information Technology*, vol. 5, no. 4, pp. 272-279, 2015.
- [10] T. N. Le, "Activity and income diversification: Trends, determinants and effects on poverty reduction- the case of the Mekong River Delta," PhD. Thesis, International Institute of Social Studies of Erasmus University (ISS), 2010.
- [11] T. H. Huynh, T. N. Le, and V. N. Mai, "Income diversification for households in the Mekong delta. In: Economic Development of the Mekong Delta in Vietnam," *CDS Research Paper*, no. 27, pp. 81-123, 2008.
- [12] T. D. X Huynh and V. N. Mai, "Analysis of determinants of poultry-raising household income in the Mekong River Delta," (in Vietnamese), *Can Tho University Journal of Science*, no. 17b, pp. 87-96, 2011.
- [13] Q. N. Nguyen, Q. A. Tran, and V. T. Bui, "Factors affecting income of households in rural area Tra On district, Vinh Long province," (in Vietnamese), *Ho Chi Minh City Open University Journal of Science*, vol. 6, no. 3, pp. 66-72, 2011.
- [14] General Statistics Office of Vietnam, *Result of the Survey on Households Living Standards 2020*. Statistical Publishing House, Hanoi, 2021.
- [15] L. D. Nguyen, "The factors affecting the income of the households in Angiang," (in Vietnamese), *An Giang University Journal of Science*, vol. 3, no. 2, pp. 63-69, 2014.
- [16] X. T. Le, "Analysing factors impact upon income of farmers practicing rice based farming systems in the Vinh Long Province," (in Vietnamese), *Can Tho University Journal of Science*, no. 35, pp. 79-86, 2014.
- [17] T. K. L. Chu and V. H. Nguyen, "Effect of Resources on Incomes of Agricultural Households in Thanh Hoa Province: A Case Study at Tho Xuan and Ha Trung Districts," (in Vietnamese), *Journal of Science and Development*, vol. 13, no. 6, pp. 1051-1060, 2015.
- [18] T. K. Vo, "The factors affecting the household- income in ChoLach district, BenTre province," (in Vietnamese), *Tra Vinh University Journal of Science*, vol. 18, no. 6, pp. 59-65, 2015.
- [19] T. L. Le, C. H. Phan, T. N. Le *et al.*, "Factors influencing rice farming households' income in Chau Thanh district, Tra Vinh province," (in Vietnamese), *Journal of Vietnam Agricultural Science and Technology*, vol. 112, no. 3, pp. 84-89, 2020.
- [20] Tra Vinh People's Committee, Decision No. 2774/QĐ-UBND dated November 29 2021 "Issue a roadmap to support small and medium enterprises in Tra Vinh province in the period of 2022 - 2025", 2021.